

*Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật*

THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP CÔNG TÁC  
PHÓ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

TÓM TẮT

Số: 40

Ngày 16/10/2017

Bản tin hàng tuần  
Ra ngày thứ hai

# VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

## VĂN BẢN MỚI

1. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

2. Quy định về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Lao động-Thương binh và Xã hội.

3. Siết chặt quy định về đào tạo trong khối ngành sức khỏe.

4. Quỹ dân số Liên hợp quốc hỗ trợ Việt Nam xây dựng chương trình

phòng ngừa bạo lực giới và giải quyết vấn đề mại dâm.

5. Quy định giá cước dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.

6. Quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung 6 bậc dùng cho Việt Nam.

7. Hoàn thiện các quy định pháp luật về bán thuốc kê đơn.

## CÓ THỂ BẠN CHƯA BIẾT

Dự thảo Thông tư hướng dẫn chi tiết quản lý xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử.

## GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Không tố giác tội phạm bị xử lý hình sự như thế nào?

2. Tội cưỡng bức lao động?

3. Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật?

4. Tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi?

## **VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

### **1. PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRỞ THÀNH NGÀNH KINH TẾ MŨI NHỌN**

Ngày 06/10/2017, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 103/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hoạt động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Chương trình đề ra 08 nhiệm vụ quan trọng để đưa du lịch phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn gồm: Nâng cao nhận thức về phát triển du lịch; cơ cấu lại ngành du lịch; hoàn thiện thể chế, chính sách; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch; xúc tiến quảng bá du lịch; tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và cộng đồng phát triển du lịch; phát triển nguồn nhân lực du lịch và tăng cường quản lý Nhà nước về du lịch.

Xây dựng và triển khai Đề án cơ cấu lại ngành du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới vận hành theo quy luật kinh tế thị trường. Các địa phương có tiềm năng, lợi thế lớn về phát triển du lịch xây dựng đề án cơ cấu lại ngành du lịch của địa phương đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới; rà soát, điều chỉnh chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch, chú trọng tập trung nguồn lực xây dựng các khu vực động lực phát triển du lịch; bổ sung, hoàn thiện công tác thống kê du lịch để xác

định rõ vị trí ngành du lịch trong tổng thể phát triển của nền kinh tế quốc dân và của các địa phương có tiềm năng, lợi thế phát triển du lịch.

Ban hành các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư vào du lịch; ưu tiên bố trí vốn cho công tác xây dựng quy hoạch, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, xúc tiến quảng bá du lịch; đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch; sửa đổi bổ sung danh mục ưu đãi đầu tư, trong đó có các dự án du lịch tại các địa bàn trọng điểm, khu vực động lực phát triển du lịch và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nhưng có tiềm năng, lợi thế phát triển du lịch; rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, Luật Đầu tư 2014 và các quy định pháp luật liên quan, tạo sự phát triển đột phá cho ngành du lịch.

Tập trung nguồn lực đầu tư, xây dựng tại các địa bàn trọng điểm, khu vực động lực phát triển du lịch; xây dựng, rà soát, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường không, đường biển và đường thủy nội địa phục vụ phát triển du lịch, nâng cao khả năng kết nối giao thông tới các khu, điểm du lịch. Xây dựng các đề án, dự án cải thiện chất lượng dịch vụ, hạ tầng đường sắt, cảng biển, cảng thủy nội địa chuyên dùng phục vụ du lịch; đầu

tư xây dựng các điểm dừng nghỉ trên các tuyến du lịch đường bộ; bảo đảm an toàn giao thông; tăng cường kết nối hàng không với các thị trường nguồn khách du lịch.

Thực hiện thương quyền 05 về vận tải hàng không và chính sách "mở cửa bầu trời"; tạo điều kiện cho các hãng hàng không trong nước và quốc tế mở các đường bay mới kết nối Việt Nam với thị trường nguồn khách du lịch, tăng cường tần suất các đường bay có sẵn; giải quyết các điểm nghẽn và tình trạng quá tải tại các cảng hàng không; khuyến khích đầu tư hình thành các khu dịch vụ du lịch phức hợp, dự án dịch vụ du lịch quy mô lớn, các trung tâm mua sắm, giải trí chất lượng cao tại các địa bàn du lịch trọng điểm...

Chính phủ giao Bộ VHTTDL tham mưu giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo Nhà nước về du lịch chỉ đạo, đôn đốc và điều phối việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình thực hiện.

## **2. QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THANH TRA NGÀNH LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI.**

Ngày 04/10/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 110/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Lao động – Thương binh và Xã hội. (LĐTBXH).

Theo đó, các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra ngành LĐTBXH

gồm: Các cơ quan thanh tra nhà nước (Thanh tra Bộ LĐTBXH, Thanh tra Sở LĐTBXH) và các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành (Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Cục Quản lý lao động ngoài nước, Cục An toàn lao động). Hoạt động thanh tra hành chính do Thanh tra Bộ và thanh tra sở thực hiện theo quy định; hoạt động thanh tra chuyên ngành do các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra ngành LĐTB và XH quy định.

Thanh tra chuyên ngành về lao động, an toàn vệ sinh lao động thực hiện chấp hành các quy định về nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động; hợp đồng lao động; học nghề, tập nghề; đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể, thỏa ước lao động tập thể; tiền lương; thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi; kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất; việc thực hiện những quy định riêng đối với lao động nữ, lao động chưa thành niên và một số loại lao động khác; việc thực hiện các quy định khác của pháp luật lao động. Thực hiện các biện pháp phòng, chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại cho người lao động; các biện pháp xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động và tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với một số lao động đặc thù; bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh; hoạt động của các tổ chức dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.

## *Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật*

Thanh tra chuyên ngành về việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế chấp hành pháp luật về việc làm của người lao động, người sử dụng lao động và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc làm gồm: Chính sách hỗ trợ tạo việc làm; thông tin thị trường lao động; đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; tổ chức và hoạt động dịch vụ việc làm; bảo hiểm thất nghiệp; tổ chức bảo hiểm xã hội, người sử dụng lao động và người lao động; chấp hành quy định của pháp luật về trách nhiệm tham gia bảo hiểm y tế của người sử dụng lao động...

Thanh tra chuyên ngành về người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng gồm thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về tổ chức bộ máy chuyên trách của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; ký kết các hợp đồng liên quan đến việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; tuyển chọn lao động; dạy nghề, ngoại ngữ cho người lao động; tổ chức bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài; thực hiện các hợp đồng có liên quan đến đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; quản lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; thanh lý hợp đồng giữa doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp và người lao động đi làm việc ở nước ngoài; thực hiện các chế độ tài chính trong

*Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới*

hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Chấp hành các quy định khác của pháp luật về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng...

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/11/2017; thay thế Nghị định số 39/2013/NĐ-CP ngày 24/4/2013.

### **3. SIẾT CHẶT QUY ĐỊNH VỀ ĐÀO TẠO TRONG KHỐI NGÀNH SỨC KHỎE**

Ngày 05/10/2017 Chính phủ ban hành Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Yêu cầu chung đối với người dạy thực hành gồm: Có văn bằng, trình độ, kinh nghiệm chuyên môn tối thiểu 12 tháng liên tục đến thời điểm giảng dạy thực hành phù hợp với trình độ, ngành/chuyên ngành giảng dạy thực hành; trình độ của người giảng dạy thực hành không được thấp hơn trình độ đang được đào tạo của người học thực hành; có chứng chỉ hành nghề và phạm vi chuyên môn hành nghề phù hợp với chương trình, đối tượng đào tạo thực hành trong trường hợp pháp luật quy định phải có chứng chỉ hành nghề.

Đối với người giảng dạy thực hành ngành, chuyên ngành đào tạo về khám bệnh, chữa bệnh: Đáp ứng các yêu cầu chung đối với người giảng dạy thực hành nêu trên; đã có đủ thời

## *Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật*

gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi có chứng chỉ hành nghề liên tục ở ngành/chuyên ngành giảng dạy thực hành đến thời điểm giảng dạy thực hành ít nhất là 36 tháng đối với đào tạo trình độ sau đại học, 24 tháng đối với đào tạo trình độ đại học và 12 tháng đối với trình độ cao đẳng và trung cấp; tại cùng một thời điểm, một người giảng dạy thực hành chỉ được giảng dạy không quá 05 người học thực hành đối với đào tạo trình độ sau đại học, không quá 10 người học thực hành đối với đào tạo trình độ đại học, không quá 15 người học thực hành đối với đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp; đã được bồi dưỡng phương pháp dạy - học lâm sàng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế, trừ trường hợp người giảng dạy thực hành đã có chứng chỉ phương pháp dạy - học mà trong chương trình đào tạo đã có nội dung về phương pháp dạy - học lâm sàng.

Đối với cơ sở thực hành là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Có đủ các yêu cầu quy định tại Nghị định này; có phòng học, phòng giao ban, phòng trực dành cho người học thực hành và người giảng dạy thực hành; có người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu quy định Nghị định này; tại cùng một thời điểm, mỗi khoa, phòng có không quá 03 người học thực hành trên 01 giường bệnh hoặc 01 ghế răng; tổng thời lượng tham gia giảng dạy thực hành của tất cả người giảng dạy thực hành thuộc cơ sở thực hành tối thiểu là 20% và tối đa là 80% của tổng thời lượng chương trình thực hành, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản

này; cơ sở thực hành thuộc trường hợp quy định tại Nghị định này phải bảo đảm: Tổng thời lượng tham gia giảng dạy thực hành của tất cả người giảng dạy thực hành thuộc cơ sở thực hành tối thiểu là 50%, tối đa là 80% tổng thời lượng chương trình thực hành được thực hiện tại cơ sở thực hành và chỉ được là cơ sở thực hành thuộc trường hợp quy định tại Nghị định này của không quá 02 cơ sở giáo dục đào tạo trình độ đại học, sau đại học và 01 cơ sở giáo dục đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

Đối với cơ sở giáo dục có ngành, chuyên ngành đào tạo về khám bệnh, chữa bệnh phải ký hợp đồng hoặc có 01 cơ sở thực hành là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện ít nhất 50% thời lượng của chương trình thực hành và đáp ứng các yêu cầu sau đây: Là bệnh viện hạng I hoặc bệnh viện được phép thực hiện kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật từ tuyến I trở lên đối với đào tạo trình độ sau đại học, đào tạo trình độ đại học ngành y đa khoa, y học cổ truyền, răng hàm mặt; là bệnh viện hạng II hoặc bệnh viện được phép thực hiện kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật từ tuyến II trở lên đối với đào tạo trình độ đại học các ngành khác thuộc khối ngành sức khỏe; là bệnh viện hạng III hoặc bệnh viện được phép thực hiện kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật từ tuyến III trở lên đối với đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp khối ngành sức khỏe; có ít nhất 20% người giảng dạy chương trình thực hành là người làm việc cơ hữu của cơ sở giáo dục có đăng ký hành nghề tại cơ sở thực hành

và được cơ sở thực hành bố trí làm công tác khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với năng lực, kinh nghiệm và phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề.

Cơ sở thực hành đang đào tạo thực hành trước ngày 20/11/2017 phải rà soát, bổ sung, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu quy định tại Nghị định này trước ngày 01/01/2019; Người giảng dạy thực hành chưa được bồi dưỡng về phương pháp dạy-học lâm sàng theo quy định tại Nghị định này phải tham gia lớp bồi dưỡng trước ngày 01/01/2020.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/11/2017.

#### **4. QUỸ DÂN SỐ LIÊN HỢP QUỐC HỖ TRỢ VIỆT NAM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ MẠI DÂM**

Ngày 06/10/2017 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1505/QĐ-TTg quy định về chủ trương đầu tư dự án do Quỹ dân số liên hợp quốc tài trợ không hoàn lại cho Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Mục tiêu dự án nhằm hỗ trợ các cơ quan Việt Nam trong việc xây dựng, hoàn thiện và triển khai pháp luật, chính sách, chương trình, dịch vụ liên quan đến phòng ngừa và ứng phó với bạo lực giới (BLG), bạo lực gia đình (BLGD), vấn đề mại dâm dựa

trên bằng chứng và tiếp cận quyền con người giai đoạn 2017-2021.

Nội dung của dự án nghiên cứu xã hội về sự thay đổi hành vi liên quan đến ưa thích con trai được tiến hành làm cơ sở cho việc xây dựng, sửa đổi Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và các chính sách có liên quan; tiêu chuẩn về phòng ngừa và ứng phó với BLG được ban hành. Hệ thống thu thập và báo cáo thông tin, số liệu online về BLG được xây dựng, thử nghiệm và triển khai; các chiến dịch truyền thông, vận động chính sách và thay đổi hành vi, một số mô hình với sự tham gia của nam nông dân về phòng ngừa và ứng phó với BLG được xây dựng và triển khai; các bằng chứng khoa học phục vụ việc xây dựng Luật liên quan đến vấn đề mại dâm và các hoạt động hỗ trợ việc xây dựng bộ luật này được triển khai; năng lực xây dựng và triển khai chính sách về BDG, phòng, chống BLGD và vấn đề mại dâm được nâng cao.

Dự án được thực hiện với nguồn vốn ODA không hoàn lại là 3.757.083 USD; vốn đối ứng bằng tiền mặt và hiện vật gần 10 tỷ đồng.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện rà soát, đảm bảo thực hiện dự án không trùng lặp với các dự án sử dụng vốn nước ngoài và vốn ngân sách nhà nước khác; xây dựng cơ chế quản lý dự án phù hợp; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ quản, chủ dự án, các cơ quan đồng

## *Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật*

thực hiện trong triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ và hiệu quả của dự án; phối hợp với Nhà tài trợ xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện Dự

án theo đúng các quy định hiện hành về quản lý và sử dụng ODA.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/10/2017.

## **VĂN BẢN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

### **5. QUY ĐỊNH GIÁ CƯỚC DỊCH VỤ BƯU CHÍNH PHỤC VỤ CƠ QUAN ĐẢNG, NHÀ NƯỚC**

Ngày 29/9/2017, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư số 23/2017/TT-BTTTT về quy định mức giá cước tối đa dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước ở địa phương (gọi là dịch vụ bưu chính KT1).

Theo đó, mức giá cước tối đa dịch vụ bưu chính KT1 được quy định như sau: Khối lượng hồ sơ từ 50g – 250g, giá cước trong nội tỉnh sẽ từ 11.364 đồng – 15.000 đồng; mỗi 250g tiếp theo giá cước trong nội tỉnh sẽ tính thêm 1.364 đồng - 1.727 đồng; giá cước liên tỉnh trong khoảng từ 13.636 đồng – 27.273 đồng; mỗi 250g tiếp theo sẽ tính thêm 4.545 đồng – 6.818 đồng; riêng giá cước nội vùng được quy định trong khoảng 13.182 đồng – 15.455 đồng, mỗi 250g tiếp theo tính thêm 2.727 đồng.

Mức giá cước tối đa dịch vụ KT1 theo độ khẩn bằng mức giá cước tối đa dịch vụ KT1 cộng mức giá cước tối đa theo độ khẩn sau: Hẹn giờ là 18.182 đồng; hỏa tốc là 40.000 đồng.

Mức giá cước tối đa dịch vụ KT1 theo độ mật (A, B, C) bằng mức giá cước tối đa dịch vụ KT1 quy định tại mục 1 Phụ lục này cộng mức giá cước tối đa theo độ mật sau: Tuyệt mật (A) là 48.636 đồng; Tối mật (B) là 37.273 đồng; Mật (C) là 30.909 đồng. Mức giá cước tối đa dịch vụ bưu chính KT1 chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và không bao gồm phụ phí vùng xa.

Trường hợp sử dụng dịch vụ KT1 theo độ khẩn và theo độ mật thì mức giá cước tối đa là mức giá cước dịch vụ KT1 cộng mức giá cước theo độ khẩn, theo độ mật tương ứng.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017.

### **6. QUY CHẾ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ THEO KHUNG 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM**

Ngày 29/09/2017, Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT về quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

## *Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật*

Đối tượng dự thi là các cá nhân có nhu cầu được đánh giá năng lực ngoại ngữ hoặc có nhu cầu được cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Việc đăng ký dự thi thực hiện theo một trong các cách sau: Cá nhân trực tiếp đến đăng ký thi với đơn vị tổ chức thi hoặc đăng ký thi trực tuyến qua trang thông tin điện tử của đơn vị tổ chức thi; cá nhân thông qua tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp hoặc cơ sở giáo dục nơi đang công tác, học tập đăng ký thi với đơn vị tổ chức thi.

Đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ (đơn vị tổ chức thi) bao gồm: Trường đại học có đào tạo chuyên ngành ngoại ngữ, đơn vị sự nghiệp được giao nhiệm vụ tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ thì được tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo các định dạng đề thi từ bậc 1 đến bậc 6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Trung tâm ngoại ngữ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập, các trường cao đẳng sư phạm có đào tạo chuyên ngành ngoại ngữ thì được tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo các định dạng đề thi từ bậc 1 đến bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (dành cho học sinh phổ thông).

Hình thức thi đối với các kỹ năng nghe, đọc, viết được tổ chức thi trên giấy hoặc trên máy vi tính; kỹ năng nói được tổ chức bằng hình thức thi nói trực tiếp hoặc thi trên máy vi tính. Đối với thi kỹ năng nói trực tiếp, *Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới*

hình thức thi nói được thực hiện dưới dạng trực tiếp và ghi âm quá trình thi của thí sinh. Sau khi nhận đề hoặc được bốc thăm đề thi theo hướng dẫn của cán bộ chấm thi, thí sinh thực hiện phần thi theo định dạng đề thi...

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2017.

### **7. HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ BÁN THUỐC KÊ ĐƠN**

Đây là nội dung được quy định tại Quyết định số 4448/QĐ-BYT ngày 03/10/2017 của Bộ Y tế về việc ban hành kế hoạch triển khai Đề án tăng cường kiểm soát kê đơn thuốc và bán thuốc kê đơn giai đoạn 2017-2020.

Theo đó, để hoàn thiện hệ thống pháp luật về kê đơn và bán thuốc kê đơn, Bộ Y tế đề ra kế hoạch sau: Các cơ quan có trách nhiệm từ nay đến tháng 12/2017 phải rà soát lại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có quy định liên quan đến việc kê đơn thuốc để phát hiện và đề xuất các nội dung còn bất cập, hạn chế và đưa ra phương án xử lý; Vụ Pháp chế tập trung sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về kê đơn thuốc và bán thuốc kê đơn trong Nghị định 176/2013/NĐ-CP; Tháng 10/2017, xây dựng bộ công cụ khảo sát, kiểm tra về kê đơn thuốc và án thuốc kê đơn; Tháng 11/2017, báo cáo thực trạng nhận thức của người hành nghề về các quy định của pháp luật liên quan đến kê đơn thuốc, bán thuốc kê đơn, kháng kháng sinh và nhận thức của người mua thuốc về

## *Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật*

việc mua thuốc và sử dụng thuốc; Tháng 12/2017, báo cáo đánh giá về hoạt động kê đơn thuốc và bán thuốc kê đơn; Tháng 6/2018, hoàn thành việc ban hành Thông tư hướng dẫn thực hành tốt kê đơn thuốc và các tài liệu nghiệp vụ hướng dẫn thực hiện quy định về thực hành tốt bán thuốc kê đơn...

Để việc kiểm soát kê đơn thuốc đạt hiệu quả trong năm 2018 – 2019, Vụ Truyền thông và thi đua khen thưởng có trách nhiệm tuyên truyền về việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, tác hại của việc tự ý sử dụng thuốc kê

đơn, việc sử dụng kháng sinh không hợp lý, hậu quả của kháng kháng sinh; và các lợi ích mang lại khi khám bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh cho cộng đồng trên toàn quốc; sự cần thiết phải kiểm soát thuốc kê đơn; Sở Y tế, Trung tâm truyền thông cần kết hợp với các đơn vị như Cục Quản lý Dược, Cục Quản lý khám chữa bệnh ở địa phương để đẩy mạnh công tác tuyên truyền việc kê đơn, bán thuốc theo đơn...

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 03/10/2017.

### **DỰ THẢO THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN CHI TIẾT QUẢN LÝ XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM ĐIỆN TỬ**

*Bộ Thông tin và Truyền thông hiện đang tổ chức lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương dự thảo Thông tư hướng dẫn chi tiết quản lý xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử.*

*Theo đó, trước khi đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử, nhà xuất bản và tổ chức, cá nhân phải lập Đề án hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử theo Mẫu đã được quy định, trong đó mô tả chi tiết các điều kiện về thiết bị, công nghệ, giải pháp kỹ thuật theo quy định, nếu không thực hiện xuất bản, phát hành xuất bản phẩm trên mạng Internet thì không phải mô tả điều kiện về việc có tên miền Internet; có nhân lực kỹ thuật để điều hành và quản lý quá trình xuất bản, phát hành xuất bản*

*phẩm điện tử đáp ứng yêu cầu Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.*

*Các định dạng và thông tin phải ghi trên xuất bản phẩm điện tử trong trường hợp nộp lưu chiểu qua mạng Internet thông qua Cổng thông tin điện tử của Cục Xuất bản, In và Phát hành, Sở Thông tin và Truyền thông, Thư viện Quốc gia Việt Nam. Định dạng tệp tin của xuất bản phẩm điện tử nộp lưu chiểu là “.pdf”, “.mp4”. Việc chuyển định dạng khác của xuất bản phẩm điện tử sang định dạng này phải đảm bảo tính toàn vẹn, không làm thay đổi nội dung xuất bản phẩm điện tử. Tại vị trí ghi số xác nhận đăng ký xuất bản của xuất bản phẩm điện tử và Tờ khai lưu chiểu, phải có chữ ký số hợp pháp của lãnh đạo nhà xuất bản; cơ quan, tổ chức được cấp*

## Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

giấy phép xuất bản tài liệu điện tử không kinh doanh hoặc người được lãnh đạo nhà xuất bản; cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu điện tử không kinh doanh ủy quyền bằng văn bản.

Cục Xuất bản, In và Phát hành có trách nhiệm tiếp nhận Đề án hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử (sau đây gọi tắt là Đề án) do nhà xuất bản, tổ chức, cá nhân phát hành xuất bản phẩm điện tử gửi đến để tiến hành thẩm định. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được bản Đề án, Cục Xuất bản, In và Phát hành có trách nhiệm chủ trì thẩm định nội dung Đề án và sao gửi các cơ quan, đơn vị theo quy định để phối hợp thẩm định. Trường hợp bản Đề án không

đúng mẫu hoặc không đủ thông tin theo mẫu quy định thì phải trả lại để nhà xuất bản, tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao Đề án, Cục Tin học hóa có trách nhiệm thẩm định việc đáp ứng điều kiện về thiết bị, công nghệ và nhân lực kỹ thuật được mô tả trong Đề án; Cục An toàn thông tin có trách nhiệm thẩm định việc đáp ứng điều kiện về giải pháp kỹ thuật an toàn thông tin được mô tả trong Đề án; Trung tâm Internet Việt Nam có trách nhiệm thẩm định điều kiện về tên miền Internet Việt Nam mô tả trong Đề án (nếu có).

## GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

**1.Hỏi:** Không tố giác tội phạm bị xử lý hình sự như thế nào?

**\*Trả lời:** Điều 19 Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ban hành ngày 20/6/2017 và có hiệu lực ngày 01/01/2018 quy định việc không tố giác tội phạm như sau:

1. Người nào biết rõ tội phạm đang được chuẩn bị, đang được thực hiện hoặc đã được thực hiện mà không tố giác, thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm quy định tại Điều 390 của Bộ luật này.

2. Người không tố giác là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội không phải chịu trách nhiệm hình sự  
*Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới*

theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp không tố giác các tội quy định tại Chương XIII của Bộ luật này hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

3. Người không tố giác là người bào chữa không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp không tố giác các tội quy định tại Chương XIII của Bộ luật này hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do chính người mà mình bào chữa đang chuẩn bị, đang thực hiện hoặc đã thực hiện mà người bào chữa biết rõ khi thực hiện việc bào chữa.

**2. Hỏi:** Tội cưỡng bức lao động?

## *Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật*

**\*Trả lời:** Điều 297 Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ban hành ngày 20/6/2017 và có hiệu lực ngày 01/01/2018 quy định tội cưỡng bức lao động như sau:

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác ép buộc người khác phải lao động thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;

c) Làm chết người;

d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

e) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:

a) Làm chết 02 người trở lên;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122% trở lên.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**3. Hỏi:** *Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật?*

**\*Trả lời:** Điều 157 Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ban hành ngày 20/6/2017 và có hiệu lực ngày 01/01/2018 quy định tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật như sau:

1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

## *Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật*

- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- c) Đối với người đang thi hành công vụ;
- d) Phạm tội 02 lần trở lên;
- đ) Đối với 02 người trở lên;
- e) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;
- g) Làm cho người bị bắt, giữ, giam hoặc gia đình họ lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn;
- h) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bị bắt, giữ, giam mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:

- a) Làm người bị bắt, giữ, giam chết hoặc tự sát;
- b) Tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục nhân phẩm của người bị bắt, giữ, giam;
- c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bị bắt, giữ, giam mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**4. Hỏi:** *Tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi?*

**\*Trả lời:** Điều 296 Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ban hành ngày 20/6/2017 và có hiệu lực ngày 01/01/2018 quy định tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi như sau:

1. Người nào sử dụng người lao động dưới 16 tuổi làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với chất độc hại theo danh mục mà Nhà nước quy định thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

b) Làm chết người;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà

## *Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật*

tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:

- a) Làm chết 02 người trở lên;
- b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122% trở lên.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm./.